UBND THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG - TỈNH SÓC TRĂNG
ĐIỀU CHỈNH CỤC BỘ QUY HOẠCH PHÂN KHU SỐ 7A - PHƯỜNG 7

BẢN ĐỒ GIAO THÔNG VÀ CHỈ GIỚI ĐƯỜNG ĐỎ, CHỈ GIỚI XÂY DỰNG VÀ HLBV CÁC TUYẾN HTKT (SAU KHI ĐIỀU CHỈNH)

TỶ LỆ 1 / 2.000

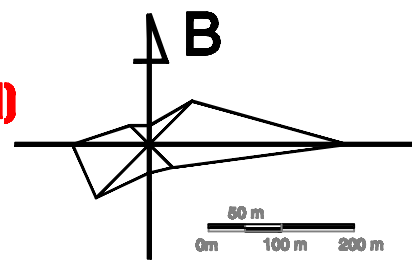

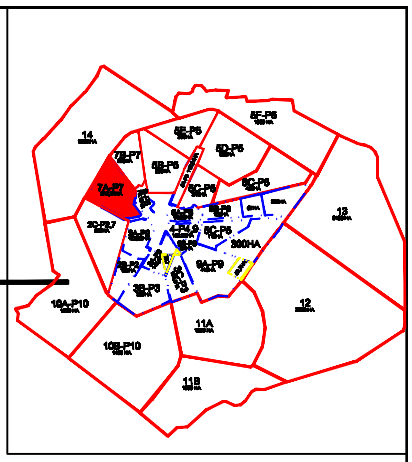

DANH MỤC CÔNG TRÌNH HIỆN TRẠNG

* CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG:
  - +CC 01: UBND PHƯỜNG 7 (NGOÀI RANH);
  - +CC 02: VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG;
  - +YT01: TRẠM Y TẾ PHƯỜNG 7.
* TRƯỜNG HỌC:
  - +GD 01: TRƯỜNG CAO ĐẲNG NGHỀ SÓC TRĂNG;
  - +GD 02: TRƯỜNG TIỂU HỌC PHƯỜNG 7.
* CÔNG TRÌNH TÔN GIÁO:
  - +TG 01: CHÙA SÓC VỒ;
  - +TG 02: CHÙA NĂNG NHƠN;
  - +TG 03: THÁNH TỊNH THANH VÂN ĐIỆN;
* CÔNG TRÌNH VĂN HÓA:
  - +VH 01: TRUNG TÂM VĂN HÓA THỂ THAO P7, TƯỢNG ĐÀI CHIẾN THẮNG BỐ THẢO.
* DOANH NGHIỆP- SẢN XUẤT KINH DOANH;
  - + SX 01: NHÀ MÁY BIA SÓC TRĂNG;
  - + SX 02: CÔNG TY CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ;
  - + SX 03: CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ SÓC TRĂNG;
  - + SX 04: CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN SÓC TRĂNG (STAPIMAX);
  - + SX 05: CÔNG TY TNHH THÁI TÂN;
  - + SX 06: CÔNG TY TNHH PHƯƠNG NAM.

DANH MỤC CÔNG TRÌNH CẢI TẠO

TRẠM Y TẾ PHƯỜNG 7

DANH MỤC CÔNG TRÌNH QUY HOẠCH

- 01 ĐẤT GIÁO DỤC
- 02 BỆNH VIỆN ĐA KHOA QUỐC TẾ MIỀN TÂY
- 03 KHU VĂN HÓA - TÍN NGƯỠNG TỈNH SÓC TRĂNG
- 04 ĐẤT CÔNG VIÊN CÂY XANH - THỂ THAO
- 05 ĐẤT CÔNG VIÊN CÂY XANH VEN SÔNG

BẢNG THỐNG KÊ GIAO THÔNG

STT	TÊN ĐƯỜNG	MẶT CẮT	CHIỀU DÀI (m)	CHỈ GIỚI (m)								
				VỈA HÈ (m)	LÒNG ĐƯỜNG (m)	GIẢI PHÂN CÁCH (m)	LÒNG ĐƯỜNG (m)	VỈA HÈ (m)	CÂY XANH CÁCH LY (m)	ĐƯỜNG GOM (m)	LỘ GIỚI (m)	GHI CHÚ
1	Võ Văn Kiệt	2-2	730	4	11.5	3	11.5	4	-	-	34	
2	Nam Kỳ Khởi Nghĩa	4-4	2.186	6	7.5	-	7.5	6	-	-	27	
3	Sóc Vồ	3-3	4.271	6	6	-	6	6	-	-	24	Bổ sung
4	Lê Hoàng Chu (Kênh Xáng)	11-11	2.265	3	3	-	3	5	-	-	14	Thay đổi
5	Nguyễn Trường Tộ	11-11	1.758	3	3	-	3	5	-	-	14	Thay đổi
6	Tuyến Tránh Quốc lộ 1	1-1	2.134	5	9	3	9	5	5	7	55	Thay đổi
7	D1	7-7	964	3.5	4	-	4	3.5	-	-	15	
8	D2	5-5	353	5	8	-	8	5	-	-	26	
9	D2a	6-6	1.052	5	10.5	8	10.5	5	-	-	39	
10	D2b	5-5	319	5	8	-	8	5	-	-	26	
11	D3	7-7	753	3.5	4	-	4	3.5	-	-	15	
12	D3'	13-13	117	5	4	-	4	5	-	-	18	
13	D4	8-8	148	3.5	4	-	4	3.5	-	-	15	
14	D4'	14-14	201	3	2.5	-	2.5	3	-	-	11	
15	D5	9-9	290	3.5+3.5=7	8	22	8	3.5+3.5=7			52	2 tuyến
		9-9	530	3.5+3.5=7	8	22	8	3.5+3.5=7	-	-	52	2 tuyến
16	D5a	9-9	490	3.5+3.5=7	8	22	8	3.5+3.5=7	-	-	52	2 tuyến
17	D6	7-7	242	3.5	4	-	4	3.5	-	-	15	
18	Trần Nhân Tông (Đường N1)	12-12	240	6	4.5	-	4.5	6	-	-	21	Bổ sung
19	Hẻm 448 (Đường N2)	5-5	2.085	5	8	-	8	5	-	-	26	Cải tạo
20	N3	8-8	1.467	3.5	4	-	4	3.5	-	-	15	
21	N4	11-11	2.120	3	3	-	3	5	-	-	14	Thay đổi
22	N5	11-11	1.895	3	3	-	3	5	-	-	14	Thay đổi
23	N6	7-7	1.157	3.5	4	-	4	3.5	-	-	15	
24	N6'	7-7	1.169	3.5	4	-	4	3.5	-	-	15	
25	N7	7-7	230	3.5	4	-	4	3.5	-	-	15	
26	Hẻm 298	10-10	259	2.5	4	-	4	2.5	-	-	13	Cải tạo
27	Hẻm 389	7-7	345	3.5	4	-	4	3.5	-	-	15	Cải tạo

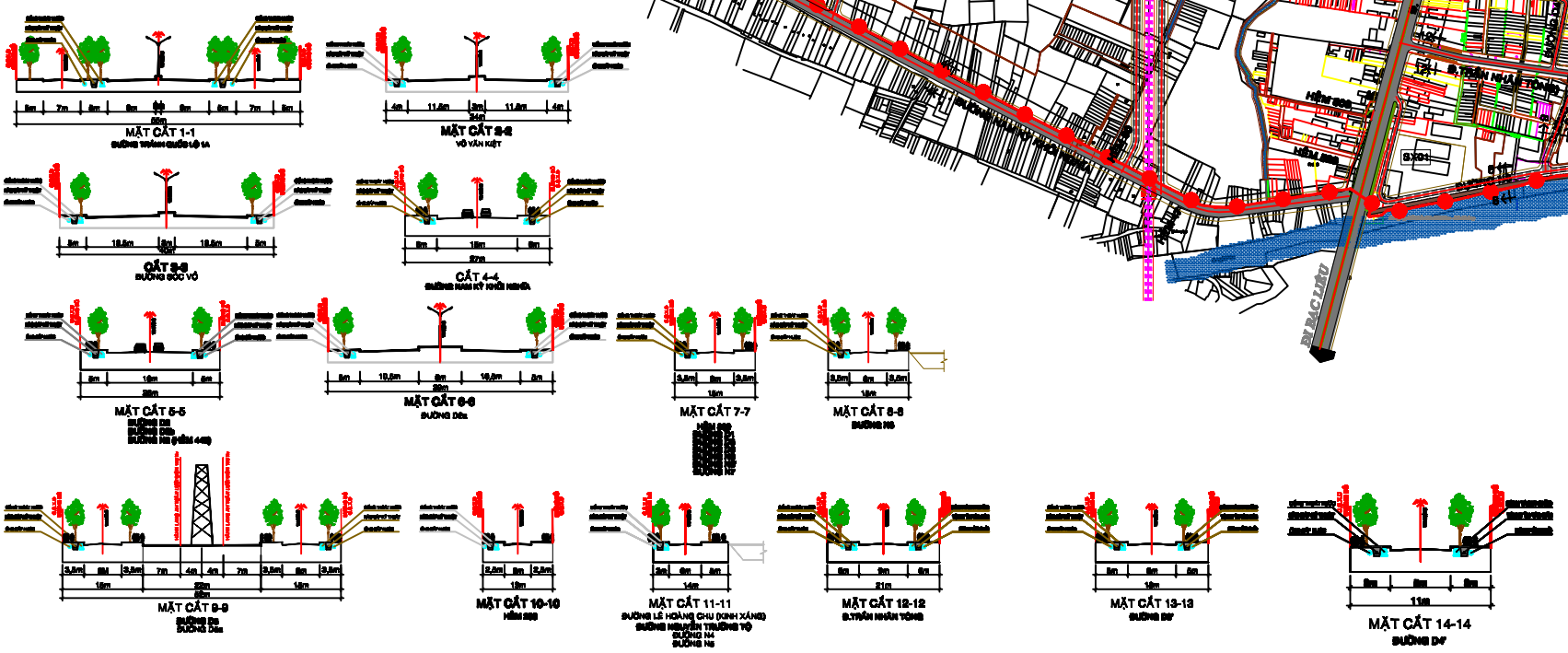

SỞ XÂY DỰNG TỈNH SÓC TRĂNG